

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2020

Phụ lục 11

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2020
ĐÀO TẠO TẠI CỞ SỞ II - TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (7340101)
(Xét tuyển bằng hình thức dựa trên kết quả học tập THPT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2373/QĐ-HĐTSĐHCQ2020 ngày 26/8/2020 của Chủ tịch HĐTSĐHCQ 2020 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU'T	KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	LƯƠNG MỸ VY	276004812	28/01/2002	Nam	01	1	A00	24.72	27.47	NV1
2	NGUYỄN THỊ NGỌC GIANG	072302004969	04/11/2002	Nam	00	1	A00	26.6	27.35	NV1
3	TRẦN HIẾU NGHI	331896079	01/12/2002	Nam	00	2NT	A00	26.02	26.52	NV1
4	NGUYỄN THÚY HẰNG	001302023531	29/08/2002	Nam	00	2	A00	25.88	26.13	NV1
5	DƯƠNG VĂN MÃN	352628131	02/02/2002	Nữ	00	2NT	D01	25.34	25.84	NV1
6	NGUYỄN TRÚC QUỲNH	285831243	01/09/2002	Nam	00	1	A00	25	25.75	NV1
7	NGÔ HUỖNH BÍCH TRÂM	079302018338	06/05/2002	Nam	00	3	A00	25.4	25.4	NV1
8	TRẦN THỊ THANH HẰNG	285840590	18/12/2000	Nam	00	1	D01	24.62	25.37	NV1
9	TRẦN HUY HOÀNG	331878656	04/02/2002	Nữ	00	3	A00	25.34	25.34	NV1
10	VÕ THỊ TRÚC LINH	072302002282	06/02/2002	Nam	00	2NT	A00	24.7	25.2	NV1
11	LÝ ĐẠI AN	079202025362	15/12/2002	Nữ	00	2	A00	24.94	25.19	NV1
12	LÊ HOÀNG HUYỀN	212818797	16/08/2002	Nam	00	3	A00	25.08	25.08	NV1
13	LÂM THỊ HỒNG NHUNG	036302002133	11/04/2002	Nam	00	3	A00	25.02	25.02	NV1
14	NGUYỄN TRƯỞNG THANH THUẬN	251284511	16/06/2002	Nam	00	3	A00	25.02	25.02	NV1
15	NGUYỄN PHƯỚC NGÂN	321776739	07/10/2002	Nam	00	2NT	D01	24.5	25	NV1
16	LÊ THỊ HOÀNG YÊN	285831594	09/10/2002	Nam	00	1	A00	24.24	24.99	NV1
17	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	072302001522	05/10/2002	Nam	00	2NT	A00	24.36	24.86	NV1
18	BÙI KIM NHI	079302025987	07/06/2002	Nam	00	2	A00	24.5	24.75	NV1
19	TRẦN CÔNG HẢO	079202021824	20/06/2002	Nữ	00	2	A00	24.48	24.73	NV1
20	LÊ HẢI HÀ	197385049	13/10/2001	Nam	00	2	A01	24.34	24.59	NV1
21	HUỖNH THỊ NGỌC ANH	079301024762	10/02/2001	Nam	00	3	A00	24.54	24.54	NV1



[Handwritten signature]

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTUT	KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
22	ĐỖ TẤN SANG	079201005503	24/09/2001	Nữ	06	2	A00	23.12	24.37	NV1
23	PHAN THỊ THANH NGÂN	079302024833	01/07/2002	Nam	00	2	A00	24.1	24.35	NV1
24	ĐOÀN NHẬT HIỀN	221502449	11/11/2002	Nữ	00	2	A00	24.08	24.33	NV1
25	NGUYỄN LÊ HUYỀN ANH	038300020891	22/03/2000	Nam	00	2NT	A01	23.46	23.96	NV1
26	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH BĂNG	261602027	12/05/2002	Nam	00	1	A00	23.18	23.93	NV1
27	MAI NGUYỄN VIỆT THỤ	079202018208	05/05/2002	Nữ	00	2	A00	23.66	23.91	NV1
28	NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG	301781088	13/05/2002	Nam	00	2NT	D01	23.3	23.8	NV1
29	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	312487666	24/10/2002	Nam	00	2	A00	23.34	23.59	NV1
30	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ THY	079302016692	28/07/2002	Nam	00	3	A00	23.58	23.58	NV1
31	PHẠM NGỌC YẾN VY	079302030494	26/11/2002	Nam	00	3	A00	23.56	23.56	NV1
32	VÕ THỊ CẨM HƯƠNG	312508058	20/11/2002	Nam	00	2NT	D01	23.06	23.56	NV1
33	ĐẶNG HOÀNG GIANG	072202001844	26/08/2002	Nữ	00	2NT	A00	23.04	23.54	NV1
34	PHAN HỮU CHÍNH	215559061	29/01/2002	Nữ	00	2NT	A01	22.9	23.4	NV1
35	LƯƠNG THỊ MY	364206297	19/11/2002	Nam	00	2	A00	23.14	23.39	NV1
36	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	072302003040	13/07/2002	Nam	00	2	D01	23.1	23.35	NV1
37	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	245408669	23/12/2002	Nam	00	1	D01	22.56	23.31	NV1
38	NGUYỄN THỊ THANH NGA	241916574	03/08/2002	Nam	00	1	A00	22.4	23.15	NV1
39	LÃNH THỊ LỆ HẰNG	215507883	26/04/2001	Nam	00	2NT	A01	22.64	23.14	NV1
40	LÝ THANH BÌNH	366375016	11/06/2002	Nữ	00	1	A00	22.32	23.07	NV1
41	NGUYỄN THỊ MỘNG QUYỀN	245448015	13/09/2002	Nam	00	1	A00	22.28	23.03	NV1
42	NGUYỄN THỊ MỘNG QUYỀN	245448015	13/09/2002	Nam	00	1	A00	22.28	23.03	NV1
43	ĐẶNG NGỌC HÂN	285837203	23/07/2002	Nam	00	1	A00	22.2	22.95	NV1
44	NGÔ VŨ THANH HUYỀN	079302023952	28/11/2002	Nam	00	2	A00	22.68	22.93	NV1
45	PHẠM THỊ HỒNG THẨM	301797798	06/06/2002	Nam	00	2NT	A00	22.42	22.92	NV1
46	NGUYỄN THỊ THỦY DUNG	197500282	24/12/2002	Nam	00	2NT	A01	22.3	22.8	NV1
47	TRẦN HƯƠNG NGUYỄN NGỌC LAM	072302004881	26/02/2002	Nam	00	2NT	D01	22.26	22.76	NV1
48	NGUYỄN PHƯỚC TOÀN	225628874	21/07/2002	Nữ	00	2NT	A00	22.22	22.72	NV1
49	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	352592458	02/09/2002	Nam	00	2NT	A00	22.08	22.58	NV1
50	TRẦN THỊ KIM ĐÀO	072302003093	22/10/2002	Nam	00	2NT	A01	21.9	22.4	NV1
51	LÊ THỊ YẾN OANH	264561002	15/07/2001	Nam	00	3	A00	22.36	22.36	NV1
52	NGUYỄN HUỖNH NHƯ MY	079302023980	30/10/2002	Nam	00	2	D01	22.06	22.31	NV1
53	CÙ THỊ MỸ TUYỀN	072302006978	06/12/2002	Nam	00	2NT	D01	21.76	22.26	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU'T	KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
54	NGUYỄN HUỖNH MINH TRẦN	026080331	16/05/2000	Nam	00	3	A00	22.26	22.26	NV1
55	NGUYỄN THU THẢO	371961656	22/02/2002	Nam	00	1	A01	21.44	22.19	NV1
56	HOÀNG LÊ THANH TUYỀN	079302017526	10/11/2002	Nam	00	3	A00	22.14	22.14	NV1
57	ĐỖ THỊ NGỌC ANH	245444390	01/04/2001	Nam	00	1	A00	21.36	22.11	NV1
58	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	079302002311	09/06/2002	Nam	00	3	D01	21.86	21.86	NV1
59	PHẠM NGUYỄN KIỀU BĂNG	212816905	25/03/2002	Nam	00	1	A01	21.06	21.81	NV1
60	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	079302007371	15/07/2002	Nam	00	3	A00	21.8	21.8	NV1
61	NGUYỄN TRUNG KIÊN	079202023976	29/09/2002	Nữ	00	2	A00	21.32	21.57	NV1
62	PHAN THỊ THU HƯƠNG	215559944	08/03/2002	Nam	00	1	D01	20.8	21.55	NV1
63	TRẦN THỊ NGUYỆT ANH	261617679	11/04/2002	Nam	00	2NT	A01	21	21.5	NV1
64	LƯU THỊ KIM VỆ	225876971	03/04/2002	Nam	01	1	A00	18.72	21.47	NV1
65	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	079202013870	24/09/2002	Nữ	00	3	D01	21.42	21.42	NV1
66	TÔ THỊ HIỀN TRANG	215559207	16/07/2002	Nam	00	1	A00	20.58	21.33	NV1
67	VĂN HOA THỦY TIÊN	215562102	27/03/2002	Nam	00	2	D01	21.04	21.29	NV1
68	TRẦN THỊ NHƯ Ý	366358608	24/03/2002	Nam	00	1	A00	20.52	21.27	NV1
69	NGUYỄN THÚY VÂN	079302016577	01/01/2002	Nam	00	3	A00	21.26	21.26	NV1
70	PHẠM THỊ MINH XUÂN	079302002740	21/06/2002	Nam	00	3	A00	21.24	21.24	NV1
71	BÙI THỊ BIÊN	285803393	07/06/2002	Nam	00	1	A00	20.48	21.23	NV1
72	ĐẬU THỊ HẢI LY	242000539	25/05/2002	Nam	00	1	D01	20.48	21.23	NV1
73	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	352596702	25/07/2002	Nam	00	2NT	D01	20.7	21.2	NV1
74	NGUYỄN THỊ THẢO	215550243	11/05/2002	Nam	00	1	D01	20.4	21.15	NV1
75	NGÔ XUÂN DƯƠNG	212883357	10/03/2002	Nam	00	2	A00	20.88	21.13	NV1
76	VÕ THỊ HOÀN MY	221535633	05/01/2002	Nam	00	2NT	A01	20.6	21.1	NV1
77	NGÔ THỊ THU NGÂN	221530917	11/05/2002	Nam	00	2	A00	20.76	21.01	NV1
78	PHẠM LANG TƯỜNG	212623269	10/11/2002	Nam	00	2NT	A00	20.46	20.96	NV1
79	LÊ THỊ NGỌC HÀ	312507326	01/05/2002	Nam	00	2NT	D01	20.44	20.94	NV1
80	NGÔ MAI ANH	079302023514	29/06/2002	Nam	00	2	D01	20.62	20.87	NV1
81	PHAN THỊ MINH NHI	215560446	05/02/2002	Nam	00	1	A00	20.1	20.85	NV1
82	BÙI ANH TÚ	215570860	30/10/2002	Nam	00	2NT	D01	20.3	20.8	NV1
83	NGUYỄN HOÀI NGUYỆT AN	080301000054	15/10/2001	Nam	00	3	A00	20.66	20.66	NV1
84	NGUYỄN PHẠM VŨ DUY	079202017670	03/02/2002	Nữ	00	3	A00	20.62	20.62	NV1
85	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN	321743439	05/06/2002	Nam	00	2NT	D01	20.12	20.62	NV1

NG
 ỜNG
 I HỌ
 ĐỘ
 Ặ HỌ
 ★

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU'T	KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
86	TRẦN QUANG PHƯỚC	206478102	13/03/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.1	20.6	NV1
87	NGUYỄN THIÊN BẢO	261565001	20/08/2001	Nữ	00	1	A00	19.8	20.55	NV1
88	VŨ THỊ KHÁNH TRÂM	079302004303	04/10/2002	Nam	00	3	D01	20.54	20.54	NV1
89	CAO PHƯƠNG TUYỀN	251273914	13/08/2002	Nam	00	1	A00	19.76	20.51	NV1
90	TRẦN LÊ PHƯƠNG UYÊN	077302004424	06/03/2002	Nam	00	3	D01	20.42	20.42	NV1
91	TRƯƠNG NGỌC ĐAN NHƯ	342121322	12/08/2002	Nam	00	2NT	A00	19.92	20.42	NV1
92	ĐỖ VĂN AN	261633601	15/06/2001	Nữ	00	2	A00	20.16	20.41	NV1
93	NGUYỄN THỊ TIÊN	212620484	24/09/2002	Nam	00	2	A00	20.16	20.41	NV1
94	NGUYỄN SƠN SANG	272902842	14/07/2002	Nữ	00	3	A00	20.4	20.4	NV1
95	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ	184438829	25/12/2002	Nam	00	2	D01	20.14	20.39	NV1
96	NGUYỄN NGỌC HẢI	079201027258	19/07/2001	Nữ	00	3	A00	20.36	20.36	NV1
97	ĐOÀN NHƯ QUỲNH	212880722	20/10/2002	Nam	00	2	D01	20.08	20.33	NV1
98	TRƯƠNG QUANG KHẢI	079202021046	22/02/2002	Nữ	00	3	D01	20.18	20.18	NV1
99	PHẠM PHƯƠNG NGÀ	077302005180	08/01/2002	Nam	00	2	A00	19.92	20.17	NV1
100	TRƯƠNG THỊ THÙY LINH	312505867	01/01/2002	Nam	00	2NT	D01	19.58	20.08	NV1
101	HOÀNG NGỌC ÁNH	079302015033	10/11/2002	Nam	00	3	D01	20.06	20.06	NV1
102	LÊ CHIỀU ĐOAN	312518884	13/10/2001	Nam	00	3	A00	20	20	NV1
103	PHAN THANH NGHĨA	221514214	20/11/2002	Nữ	00	2NT	A00	19.48	19.98	NV1
104	NGUYỄN ĐÀO HỒNG TRÚC	272827666	04/01/2002	Nam	00	2	D01	19.7	19.95	NV1
105	NGUYỄN THỊ BÍCH DUYÊN	184449825	25/12/2002	Nam	00	2	D01	19.7	19.95	NV1
106	ĐÀO QUỐC NGUYỄN	066202000126	03/01/2002	Nữ	00	2	A00	19.68	19.93	NV1
107	VÕ DUY TIN	206450781	14/02/2002	Nữ	00	3	A00	19.92	19.92	NV1
108	NGUYỄN HOÀNG THÚY VI	272888458	09/01/2002	Nam	00	3	D01	19.82	19.82	NV1
109	ĐẶNG PHƯỚC THIỆN	334987987	13/06/2001	Nữ	01	1	D01	17.06	19.81	NV1
110	PHAN THỊ THANH THẢO	044302000618	28/03/2002	Nam	00	3	A00	19.78	19.78	NV1
111	NGUYỄN THỊ MINH ANH	231378112	30/01/2002	Nam	00	1	A00	19	19.75	NV1
112	BẠCH THỊ HOÀNG ANH	079302011427	15/09/2002	Nam	00	3	A00	19.7	19.7	NV1
113	ĐỖ VƯƠNG QUỐC	079202022646	23/02/2002	Nữ	00	3	D01	19.7	19.7	NV1
114	NGUYỄN XUÂN QUÝ	044201001415	20/12/2001	Nữ	00	2NT	A01	19.18	19.68	NV1
115	TRẦN HUỲNH BẢO TRÂM	215583695	02/11/2002	Nam	00	2NT	A00	19.14	19.64	NV1
116	VŨ VĂN KIÊN	034099002742	27/05/1999	Nữ	00	3	A00	19.6	19.6	NV1
117	LÊ QUANG VĂN	077202001078	02/04/2002	Nữ	00	1	A00	18.84	19.59	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTUT	KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
118	NGUYỄN THỊ KHÁNH VY	187988743	14/05/2002	Nam	00	2	D01	19.28	19.53	NV1
119	ĐOÀN NGỌC QUỲNH NHƯ	079302033532	28/06/2002	Nam	00	2	D01	19.26	19.51	NV1
120	TRẦN NGỌC NHUNG	285735588	13/12/2002	Nam	00	1	A00	18.76	19.51	NV1
121	NGUYỄN THỊ TRÚC	285624695	26/06/2001	Nam	00	2NT	D01	18.98	19.48	NV1
122	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	352614133	24/07/2002	Nữ	00	2	D01	19.22	19.47	NV1
123	BÙI TRƯỞNG TRÚC LY	072302002492	26/08/2002	Nam	00	2NT	D01	18.94	19.44	NV1
124	ĐÀO DUY VŨ	079202020234	07/05/2002	Nữ	00	3	D01	19.44	19.44	NV1
125	NGUYỄN TIẾN HIẾU	113765557	07/02/2002	Nữ	00	1	A01	18.68	19.43	NV1
126	HUỖNH VĨNH PHÁT	079201003623	18/11/2001	Nữ	06	2	D01	18.16	19.41	NV1
127	LÊ QUÝ DÂN	206126140	22/10/2002	Nữ	00	2	A01	19.12	19.37	NV1
128	BÙI THỊ TIỂU CHUNG	241993292	06/09/2002	Nam	00	1	D01	18.56	19.31	NV1
129	PHẠM TÚ ĐAN	079302034376	01/01/2002	Nam	00	2	D01	19.06	19.31	NV1
130	DƯƠNG THIÊN KHIÊM	187896797	18/09/2002	Nữ	00	2	D01	19	19.25	NV1
131	TRẦN NGỌC ĐỨC	079202012903	13/06/2002	Nữ	00	2	D01	19	19.25	NV1
132	LÊ TRÚC KHÁNH THI	261640033	25/07/2002	Nam	00	2NT	A00	18.74	19.24	NV1
133	NGUYỄN THẢO VY	261610234	02/04/2002	Nam	00	1	D01	18.48	19.23	NV1
134	TRẦN HÀ ÁI VY	212818884	22/01/2002	Nam	00	1	A01	18.36	19.11	NV1
135	HOÀNG THỊ PHI NHUNG	079302019261	23/01/2002	Nam	00	3	D01	19.04	19.04	NV1
136	PHAN THÀNH ĐẠT	079202012600	27/02/2002	Nữ	00	3	A00	19.02	19.02	NV1
137	HUỖNH THANH LUÂN	079202031416	01/02/2002	Nữ	00	3	D01	19	19	NV1
138	TRƯƠNG THỊ THỦY TIỀN	281241973	07/05/2001	Nam	00	2	D01	18.68	18.93	NV1
139	ĐÀO HUYỀN TRANG	026070208	23/03/2001	Nam	00	2NT	D01	18.4	18.9	NV1
140	NGUYỄN NGÔ NHƯ NGUYỆT	225942862	17/03/2002	Nam	00	2	A00	18.64	18.89	NV1
141	NGO THỊ NGÀ	038302001530	08/05/2002	Nam	00	3	D01	18.88	18.88	NV1
142	TRẦN THỊ ÁNH THI	251328268	18/11/2002	Nam	00	1	A00	18.06	18.81	NV1
143	VÕ NGỌC PHƯƠNG NGHI	272966026	11/09/2002	Nam	00	2	D01	18.56	18.81	NV1
144	TRẦN THỊ THÚY AN	184438596	04/02/2002	Nam	00	2	D01	18.52	18.77	NV1
145	NGUYỄN HOÀNG TRUNG NHÂN	285861756	14/08/2002	Nữ	00	1	A00	18	18.75	NV1
146	NGUYỄN TẮT KHÔI	079202019560	05/03/2002	Nữ	00	3	A00	18.56	18.56	NV1
147	LÂM HẢI DUY	072202001777	19/08/2002	Nữ	00	3	A00	18.54	18.54	NV1
148	NGUYỄN NGỌC TRÚC PHƯƠNG	086302000237	07/03/2002	Nam	00	2	D01	18.28	18.53	NV1
149	HỒ NGỌC TRẦN	225961864	23/01/2002	Nam	00	2	A00	18.2	18.45	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTUT	KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
150	TRẦN THANH TÂN	079201016435	09/03/2001	Nữ	00	3	D01	18.4	18.4	NV1
151	ĐỖ THỊ THU THỦY	079302006019	24/03/2002	Nam	00	3	D01	18.34	18.34	NV1
152	TRẦN QUANG NGHIÊM	077202001641	15/08/2002	Nữ	00	2	A01	18.04	18.29	NV1
153	LÊ MINH VIỆT HOÀNG	077202002783	05/06/2002	Nữ	00	3	A01	18.28	18.28	NV1
154	BÀNH LÝ HỒNG HUYỀN	079301025492	29/08/2001	Nam	00	3	D01	18.26	18.26	NV1
155	NGUYỄN NGỌC ĐỨC ANH	264535824	28/09/2000	Nam	07	2NT	A00	16.76	18.26	NV1
156	ĐỖ VĂN NGUYỄN TRUNG	201874135	25/10/2002	Nữ	00	3	D01	18.18	18.18	NV1
157	PHẠM NGUYỄN HOÀNG YẾN	321728705	03/10/2002	Nam	00	3	D01	18.18	18.18	NV1
158	NGUYỄN QUANG HẠNH NGUYỄN	272989409	21/10/2002	Nam	00	1	A00	17.4	18.15	NV1
159	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	321821234	16/07/2002	Nam	00	2NT	A00	17.64	18.14	NV1
160	NGÔ THỊ MỸ TIỀN	312464967	24/02/2001	Nam	00	2NT	D01	17.62	18.12	NV1
161	NGUYỄN THANH KIỀU VI	215559095	16/04/2002	Nam	00	1	D01	17.36	18.11	NV1
162	TRẦN XUÂN TÙNG	034098000028	07/06/1998	Nữ	00	3	A00	18	18	NV1

Danh sách này có 162 thí sinh./

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

